

NHẬN XÉT

Báo cáo thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng (VLXD) thông thường tại mỏ cát Thôn 1, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa

Kính gửi: Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác khoáng sản HDC

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác khoáng sản HDC, kèm theo Báo cáo thăm dò khoáng sản cát làm VLXD thông thường tại mỏ cát Thôn 1, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi và các hồ sơ liên quan. Sau khi phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan tổ chức kiểm tra thực địa (*Biên bản kiểm tra ngày 29/8/2023*) và xem xét nội dung Báo cáo; tổng hợp ý kiến góp ý của các chuyên gia: Kỹ sư Địa chất Lê Công Tuấn và Tiến sĩ Địa chất Phan Viết Sơn, Sở Tài nguyên và Môi trường có một số ý kiến góp ý như sau:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác khoáng sản HDC được UBND tỉnh công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát Thôn 1, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tại Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 03/02/2023, diện tích 9,6ha và cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số 28/GP-UBND ngày 08/6/2023. Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản và các văn bản pháp luật quy định về hoạt động khoáng sản, Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác khoáng sản HDC phối hợp với đơn vị tư vấn là Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Tri Túc tiến hành thăm dò và lập Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát Thôn 1, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi với mục đích nghiên cứu, đánh giá, kiểm tra, xác định tầng sản phẩm là tầng cát làm VLXD thông thường làm cơ sở cho việc lập các hồ sơ liên quan để trình UBND tỉnh cấp phép khai thác cát làm VLXD thông thường tại mỏ cát Thôn 1, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định là hợp lý.

2. Về hình thức và bố cục của Báo cáo:

Báo cáo do Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác khoáng sản HDC thực hiện, gồm 01 bản thuyết minh dày 60 trang đánh máy gồm 7 chương và mở đầu, kết luận, kèm theo 07 bản vẽ kỹ thuật và Bản đồ địa hình đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/5/2023; phụ lục kèm theo Báo cáo gồm tài liệu nguyên thủy có liên quan, tài liệu luận giải chỉ tiêu tính trữ lượng khoáng sản, các bảng biểu, hồ sơ kết quả phân tích, thí nghiệm mẫu và Đề án thăm dò khoáng sản mỏ cát Thôn 1, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo đã xác định được đối tượng thăm dò là cát làm VLXD thông thường có

tuổi Holocen muộn (aQ_2^3), trên cơ sở đó đơn vị đã tiến hành thi công các phương pháp và khối lượng công tác thăm dò, với khối lượng công trình chủ yếu đã thực hiện như sau:

+ Công tác trắc địa bao gồm: Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:1.000 ($h=1m$): $0,096km^2$; Đo vẽ mặt cắt địa hình tỷ lệ 1:500 khối lượng $0,733km$; Đưa công trình chủ yếu ra thực địa và đo thu vào bản đồ khối lượng 8 điểm; Đo lưới không chế mặt phẳng và độ cao với khối lượng 2 điểm.

+ Đo vẽ lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1:1.000: $0,096km^2$.

+ Thi công công trình khoan: 29,0m/08 lỗ khoan (Các vị trí lỗ khoan đều được xác định tọa độ và cao độ miệng lỗ khoan).

+ Lấy, gia công và phân tích các loại mẫu: 05 mẫu hóa silicat; 08 mẫu cơ lý cát; 05 mẫu trọng sa; 02 mẫu nước và 03 mẫu thể trọng lớn kết hợp xác định hệ số nở rời.

+ Thu thập tài liệu nghiên cứu đặc điểm địa chất thủy văn - địa chất công trình phục vụ thiết kế khai thác mỏ.

Bằng các lý luận và luận giải các tác giả đã xếp khu thăm dò vào nhóm mỏ I, loại hình mỏ nhỏ, sử dụng các phương pháp thăm dò truyền thống như: công tác trắc địa, phương pháp đo vẽ lập bản đồ địa chất, khoan thăm dò, lấy, gia công và phân tích mẫu, công tác ĐCTV-ĐCCT; Mạng lưới thăm dò bố trí công trình khoan gồm 04 tuyến ngang T1, T2, T3 và T4.

Kết quả công tác thăm dò đã làm sáng tỏ đặc điểm cấu trúc địa chất khu mỏ, làm rõ đặc điểm chất lượng cát làm VLXD thông thường và điều kiện khai thác mỏ. Xác định trữ lượng cấp 122 của 3 khối theo phương pháp mặt cắt địa chất song song thẳng đứng là: $106.306 m^3$ và phương pháp khối địa chất là $107.563 m^3$.

Nhìn chung, khối lượng công tác thăm dò về cơ bản thực hiện theo đề án. Khối lượng đã thực hiện hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật đối với công tác thăm dò. Chất lượng khoáng sản, trữ lượng và điều kiện khai thác được làm sáng tỏ.

Về cơ bản hình thức và bố cục của Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát làm VLXD thông thường tại mỏ cát Thôn 1, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp; Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Về nội dung báo cáo:

a) Trữ lượng và chất lượng khoáng sản:

- Việc tính toán trữ lượng của mỏ là hợp lý, phù hợp với Quyết định số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy định phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn.

- Việc lựa chọn phương pháp tính toán trữ lượng của mỏ dựa trên phương pháp mặt cắt địa chất song song thẳng đứng là đáng tin cậy và phù hợp với điều kiện địa chất khu mỏ và được đối chiếu, so sánh bằng phương pháp khối địa chất; kết quả khảo sát đã xác định được thân khoáng là tầng cát hạt trung đến thô màu vàng, thành phần chủ yếu là thạch anh, nguồn gốc bồi tích sông. Chúng phân bố khá rộng, tồn tại khá dày; khá đồng nhất về thành phần vật chất, là sản phẩm của đá trầm tích, xâm nhập, phun trào và đá biến chất bị phong hóa bóc mòn và tích tụ dạng các bãi bồi nằm dọc theo dòng sông Trà Khúc; chiều dày trung bình thân khoáng cát làm VLXD thông thường hạt nhỏ từ 0,4 – 0,7m, chiều dày trung bình thân khoáng cát làm VLXD thông thường hạt trung từ 0,7 – 1,4m.

b) Về chất lượng khoáng sản: Với đặc điểm của mỏ cát có dạng địa hình doi cát nằm ở lòng sông Trà Khúc, đối tượng khảo sát là tầng cát pha lẫn ít sỏi, sạn dùng làm VLXD thông thường, mỏ có điều kiện địa hình, địa chất đơn giản và với mật độ mạng lưới khảo sát nêu trên thì tổng trữ lượng địa chất toàn bộ của mỏ cát Thôn 1, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa đạt trữ lượng cấp 122 là 106.306 m³, trong đó trữ lượng địa chất của mỏ đưa vào thiết kế khai thác là 106.306 m³ nêu trong báo cáo là phù hợp với điều kiện địa chất khu mỏ.

c) Đặc điểm địa chất thủy văn, địa chất công trình:

Báo cáo đã trình bày khá đầy đủ đặc điểm địa chất thủy văn, địa chất công trình của mỏ; mỏ có dạng địa hình doi cát lòng sông, tương đối bằng phẳng, đây là yếu tố rất thuận lợi cho công tác khai thác mỏ lộ thiên.

Về các nội dung của báo cáo là phù hợp với yêu cầu của một Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát làm VLXD thông thường tại mỏ cát lòng sông dùng làm VLXD thông thường.

d) Trong bản lời của Báo cáo còn tồn tại một số lỗi đánh máy vi tính, lỗi chính tả cũng như một số từ sử dụng chưa hợp lý và các thuật ngữ chuyên môn (địa chất) cần xem xét chỉnh sửa thống nhất và chính xác, đặc biệt là các thuật ngữ về tên đá, tên khoáng vật và tuổi địa chất.

e) Các bản vẽ được lập có hình thức và nội dung đúng theo quy định.

4. Hồ sơ giám sát:

Về cơ bản hình thức và bố cục của Báo cáo kết quả giám sát được lập theo quy định tại Thông tư 44/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định nội dung công tác giám sát thi công Đề án thăm dò khoáng sản; công tác giám sát thăm dò được thực hiện độc lập, đã phản ánh đúng thực tế thi công của đơn vị chủ đầu tư và đơn vị thi công, đảm bảo tính chặt chẽ, phù hợp với Đề án.

5. Những nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa:

5.1. Bản thuyết minh

* Mở đầu: Đề nghị bổ sung căn cứ pháp lý lập Báo cáo: Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ Quy định về Quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông

* Chương 3: Công tác thăm dò địa chất và các vấn đề bảo vệ môi trường

- Đối với các sản phẩm tài liệu nguyên thủy ở phần đ, trang 34 có nêu nội dung các tài liệu: Nhật ký địa chất; các sổ thống kê mẫu, thống kê công trình thăm dò; sổ theo dõi địa chất lỗ khoan; nhật ký khoan (sổ khoan); tuy nhiên, trong hồ sơ chưa có tài liệu nguyên thủy. Do đó, đề nghị đơn vị bổ sung tài liệu nguyên thủy theo quy định Thông tư số 43/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về thu thập, thành lập tài liệu nguyên thủy trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản.

Cần chính xác lại khối lượng các hạng mục công tác như: Công tác trắc địa: Xác định độ cao các điểm góc và các lỗ khoan tổng là 8 điểm vì 5 lỗ khoan khoan đúng tại 5 điểm góc ranh giới khu mỏ. Khối lượng các mẫu cần chính xác lại.

* Chương 4: Đặc điểm chất lượng và tính chất công nghệ của khoáng sản

- Ngoài cơ sở kết quả nghiên cứu tại mỏ cần so sánh với các mỏ lân cận (cùng đối tượng khai thác) đã và đang khai thác, sử dụng để có đánh giá tổng hợp về chất lượng và công nghệ của khoáng sản;

- Chỉ mới đánh giá với cát xây dựng (lọt sàng 5mm), chưa có đánh giá đối với khối lượng sạn, sỏi có trong diện tích thăm dò, cần có luận giải đề định hướng cho lựa chọn phương pháp khai thác sau này, trong trường hợp không sử dụng thì phải tính đến bãi thải.

4.1.4. Thành phần vật chất và tính năng làm vật liệu xây dựng

Tại Bảng 4.7: Kết quả phân tích mẫu cơ lý cát tầng trên, đề nghị bổ sung kết quả phân tích mẫu cơ lý cát tầng trên tại 03 lỗ khoan: LK02, LK04, LK08

* Chương 6: Công tác tính trữ lượng

Theo báo cáo thì hệ số thu hồi cát làm vật liệu xây dựng thông thường (khoáng sản chính) là 99,42% (qua sàng 5mm), còn lại phân trên sàng (sạn, sỏi chiếm 0,58% theo kết quả phân tích mẫu); đề nghị bổ sung tính trữ lượng phân sạn, sỏi; bổ sung phương pháp tính cụ thể số liệu về hệ số thu hồi cát để ra kết quả hệ số thu hồi; với khối lượng sạn, sỏi cần có luận giải đề định hướng cho lựa chọn phương pháp khai thác sau này, trong trường hợp không sử dụng thì phải tính đến bãi thải.

* Chương 7. Dự toán kinh phí, tác giả nên chỉnh sửa lại là chương Hiệu quả công tác thăm dò cho phù hợp với nội dung của Thông tư 45-2016-TT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Phần danh mục bản vẽ kèm theo tác giả xem xét chỉnh sửa cho phù hợp với tên và số bản vẽ của báo cáo.

5.2. Bản vẽ:

Các bản vẽ được lập có hình thức và nội dung đúng theo quy định.

Toàn bộ bản đồ, mặt cắt kèm theo báo cáo, đề nghị thành lập theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lập Bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền ban hành kèm theo Thông tư số 23/2012/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định hiện hành.

Tuy nhiên vẫn có một số lỗi như sau:

- Bản vẽ số 01. Bản đồ địa địa hình: Cần bổ sung chỉ dẫn theo quy định hiện hành và bổ sung các tuyến thăm dò và công trình khoan thăm dò.

- Bản vẽ số 04. Bình đồ tính trữ lượng: Cần chính xác lại ranh giới tính trữ lượng, màu trữ lượng cùng cấp nên thể hiện một màu (trên bản vẽ đang thể hiện 2 màu). Bổ sung tọa độ địa lý các điểm góc theo quy định hiện hành.

- Bản vẽ số 05. Mặt cắt địa chất và tính trữ lượng: Cần chính xác lại cao trình tính trữ lượng đối với khối lượng đã được tính phân cát đưa vào khai thác.

Các bản vẽ số 03, 04, 06 cần bổ sung tap địa hình, cao độ; tọa độ địa lý vào 4 góc bản vẽ và sửa lại maket đúng theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Thông tư số 12/2013/TT-BTNMT ngày 05/06/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về việc giao nộp, thu nhận, lưu giữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu về địa chất, khoáng sản.

6. Kết luận:

Về cơ bản Báo cáo đã nêu được những nội dung cần thiết cho công tác đánh giá trữ lượng, điều kiện khai thác, cũng như hiệu quả kinh tế của mỏ cát Thôn 1, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa; tuy nhiên, còn một số nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi như đã nêu trên yêu cầu chỉnh sửa để trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt theo đúng quy định.

Trên đây là một số ý kiến góp ý cho Báo cáo thăm dò khoáng sản mỏ cát Thôn 1, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Đề nghị đơn vị triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở TN và MT;
- Lưu: VT, KS, TNN (np258). *SK*

Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Trung